| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ TÚ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 31 – 5 – 2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thanh Nhanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Lâm;

Bà Phạm Thị Bích Ly.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:***

Ông Danh Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ tên: Trương Đình Th (tên thường gọi khác: S, B), sinh năm 1972 tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 04 con, lớn nhất 22 tuổi và nhỏ nhất 08 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và chuyển tạm giam cho đến nay.

(Có mặt).

- *Bị hại*:

+ Anh Trần Hoàng M (tên thường gọi khác: H), sinh năm 1996.

Nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

+ Chị Phan Thị L, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

(Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác*:

*Người làm chứng*:

+ Chị Nguyễn Thị Y, (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị X (tên gọi khác: S), (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/9/2017 anh Trần Hoàng M, anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Y nhậu tại quán Thanh L thuộc ấp B, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú. Tại đây có gặp Trương Đình Th. Qua tiếp xúc thì Th nghe thông tin anh M thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, nên Th nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của M. Thảo tự xưng mình là Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng và nói hiện nay anh M có 02 lệnh truy nã về trộm cắp tài sản. Th kêu anh M đưa 06 chỉ vàng 24k để chạy án, nếu có bị bắt thì 04 đến 07 ngày Th sẽ bảo lĩnh cho anh M tại ngoại. Ngày 13/9/2017 Th hẹn anh M, chị Y đến quán cà phê Thu B thuộc ấp A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú và anh M đã đưa cho Th 22.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền trên thì Th dùng để tiêu xài cá nhân.

Trong quá trình điều tra, Th còn khai nhận vào ngày 07/12/2017 khi biết chị Phan Thị L có nhu cầu thuê mặt bằng làm quán buôn bán tại thành phố Sóc Trăng. Do Th đang thiếu nợ, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị L. Th nói với chị L là mình làm Công an tỉnh Sóc Trăng và có mặt bằng ở thành phố Sóc Trăng đang cho người khác thuê, nay hết hạn hợp đồng. Sau khi trao đổi, hai bên đã thỏa thuận là Th cho chị L thuê lại với giá là 8.000.000 đồng/tháng. Ngày 07/12/2017, Th đến nhà chị L lấy 5.000.000 đồng, hẹn vài ngày sau sẽ đưa chị L xem mặt bằng và dọn quán. Th đã dùng số tiền này để trả nợ cá nhân. Khi đến hẹn, chị L điện thoại kêu Th đưa đi xem mặt bằng, nhưng sự thật là Th không có mặt bằng như đã thỏa thuận nên Th trả lời là đang đi công việc, để không gặp chị L.

- Trong quá trình điều tra:

+ Chị Huỳnh Thị T là vợ của bị cáo đã tự nguyện giao nộp tiền để khắc phục hậu quả cho chị L số tiền 5.000.000 đồng và khắc phục cho anh M 5.000.000 đồng.

+ Cơ quan điều tra tạm giữ đồ vật của bị cáo gồm: 01 điện thoại Nokia Lumia 625H (số Imei: 35669105264035; 01 điện thoại Iphone model 1287 Emc 2430 Fccid: Bcg – E2430A IC 579C – E2430A; 01 áo thun có bâu màu xanh rêu trên bâu áo có số 54; 01 quần tây màu nâu trên lưng quần có nhãn hiệu TCHC cục quân nhu; 01 đôi giày da màu đen số 40 có nhãn hiệu tổng cục hậu cần công ty CP 32; 01 đôi tất màu xanh rêu; 01 xe môtô biển số 83C1 – 368.24 nhãn hiệu Honda, màu đen xanh (số máy: JA36E0434288, số khung: 3652GY008862).

Bản cáo trạng số: 10/CT.VKSMT ngày 05 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trương Đình Th về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, bị cáo dùng thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại anh M là 22.000.000 đồng và chị L là 5.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhưng qua điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, tự nhận tội đối với hành vi phạm tội của mình trước đó, khắc phục hậu quả cho bị hại, không tiền án, tiền sự, nên đề nghị áp dụng điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tuyên phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Bị hại chị L không yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết; đề nghị buộc bị cáo trả lại cho anh M 17.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chị Huỳnh Thị T 01 xe môtô biển số 83C1 – 368.24 nhãn hiệu Honda, màu đen xanh (số máy: JA36E0434288, số khung: 3652GY008862.

Đề nghị tiêu hủy 01 điện thoại Nokia Lumia 625H (số Imei: 35669105264035; 01 điện thoại Iphone model 1287 Emc 2430 Fccid: Bcg – E2430A IC 579C – E2430A; 01 áo thun có bâu màu xanh rêu trên bâu áo có số 54; 01 quần tây màu nâu trên lưng quần có nhãn hiệu TCHC cục quân nhu; 01 đôi giày da màu đen số 40 có nhãn hiệu tổng cục hậu cần công ty CP 32; 01 đôi tất màu xanh rêu.

+ Bị cáo Th thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo đồng ý với mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và đồng ý bồi thường cho anh M số tiền 17.000.000 đồng. Bị cáo xin không nhận lại các tài sản của bị cáo do cơ quan điều tra thu giữ.

+ Bị hại anh M đã nhận 5.000.000 đồng do bị cáo khắc phục hậu quả, nên yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại là 17.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị T cho rằng do chồng của chị là bị cáo Th đang bị tạm giam nên chị thay mặt bị cáo giao nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Chị không yêu cầu bị cáo trả lại cho chị số tiền này.

+ Người làm chứng chị Nguyễn Thị Y có lời khai như nội dung của Cáo trạng truy tố.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại chị Phan Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần, nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt chị L. Xét thấy, trong quá trình điều tra, chị L đã có lời khai ở Cơ quan điều tra đầy đủ, rõ ràng, chị đã nhận lại tiền do bị cáo chiếm đoạt, chị không yêu cầu gì thêm, đồng thời chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt chị và việc vắng mặt này không trở ngại cho việc xét xử, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung:

* Lời khai của bị cáo Th tại phiên tòa sơ thẩm đều phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định bị cáo nói dối tự xưng mình là Công an và đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Ngày 12/9/2017 bị cáo gặp anh M, khi biết anh M có hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều lần, lúc đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh M, nên bị cáo kêu anh M đưa cho bị cáo 06 chỉ vàng 24k để bị cáo chạy án cho anh M, nếu anh M bị bắt thì bị cáo sẽ bảo lĩnh cho anh M không bị giam. Vào ngày 13/9/2017, anh M đưa cho bị cáo số tiền 22.000.000 đồng. Bị cáo dùng số tiền này để tiêu xài hết cho cá nhân.

Qua điều tra, bị cáo còn tự khai nhận là vào ngày 07/12/2017 trong lần đầu tiếp xúc với chị L, bị cáo biết được chị L muốn thuê mặt bằng ở thành phố Sóc Trăng để

buôn bán. Bị cáo đã có ý định chiếm đoạt tiền của chị L để trả nợ cho mình. Tuy bị cáo không có mặt bằng, nhưng bị cáo nói dối với chị L là bị cáo có mặt bằng vừa hết hạn cho thuê với người khác và đồng ý cho chị L thuê với giá một tháng là 8.000.000 đồng. Chị L tin tưởng nên đưa trước cho bị cáo 5.000.000 đồng, sau đó bị cáo không thực hiện hợp đồng, cũng không trả tiền lại cho chị L.

Bị cáo nhận biết hành vi của mình là có tội, nhưng bị cáo cho rằng do mình nợ tiền, mà không có khả năng trả, nên bị cáo nói dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh M, chị L. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, biết rằng tài sản của người khác là không được xâm phạm, nhưng do không có tiền tiêu xài, nên bị cáo đã bất chấp để cố ý trực tiếp thực hiện thủ đoạn gian dối hai lần chiếm đoạt được tài sản của người khác, tổng cộng là 27.000.000 đồng, mỗi lần chiếm đoạt tài sản có giá trị trên hai triệu đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, giữ vững an ninh trật tự ở địa phương.

Bên cạnh đó, cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình đó là bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú, nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự được quy định tại điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh M yêu cầu bị cáo trả 17.000.000 đồng còn lại. Xét thấy, bị cáo nhận của anh M tổng cộng 22.000.000 đồng, đã trả cho anh M 5.000.000 đồng, nên bị cáo phải tiếp tục trả lại cho anh M là 17.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Theo bị hại chị L trình bày thì lúc chị đưa tiền cho bị cáo Th, có bà X chứng kiến. Nay chị L vắng địa phương, nhằm đảm bảo cho chị L biết quyền, nghĩa vụ của

mình kể cả quyền kháng cáo nên Tòa án có triệu tập mẹ của chị là bà Nguyễn Thị X tham gia phiên tòa, nhưng bà X vắng mặt không lý do. Tuy chị L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong biên bản ghi lời khai của cơ quan điều tra thì chị đã nhận số tiền 5.000.000 đồng xong, chị không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Các vật chứng gồm 01 điện thoại Nokia Lumia 625H (số Imei: 35669105264035; 01 điện thoại Iphone model 1287 Emc 2430 Fccid: Bcg – E2430A IC 579C – E2430A là phương tiện phạm tội do bị cáo dùng để liên lạc với bị hại anh M và chị L nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản; đối với đồ vật của bị cáo là 01 áo thun có bâu màu xanh rêu trên bâu áo có số 54; 01 quần tây màu nâu trên lưng quần có nhãn hiệu TCHC cục quân nhu; 01 đôi giày da màu đen số 40 có nhãn hiệu tổng cục hậu cần công ty CP 32; 01 đôi tất màu xanh rêu, bị cáo yêu cầu không nhận lại và không còn sử dụng được nên bị tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự: Bị cáo Th là người bị kết án nên bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

- Về án phí dân sự: Bị cáo Th có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh M, nên bị cáo phải chịu án phí là: 17.000.000 đồng x 5% = 850.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139, điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm a, c khoản 2 Điều 106 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Đình Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Đình Th 01 năm 06 tháng (một năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Đình Th bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Trần Hoàng M số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng: Tiêu hủy các vật chứng gồm 01 điện thoại Nokia Lumia 625H (số Imei: 35669105264035; 01 điện thoại Iphone model 1287 Emc 2430 Fccid: Bcg – E2430A IC 579C – E2430A; 01 áo thun có bâu màu xanh rêu trên bâu áo có số

54; 01 quần tây màu nâu trên lưng quần có nhãn hiệu TCHC cục quân nhu; 01 đôi giày da màu đen số 40 có nhãn hiệu tổng cục hậu cần công ty CP 32; 01 đôi tất màu xanh rêu.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hình sự: Bị cáo Trương Đình Th phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự: Bị cáo Trương Đình Th phải chịu là 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan điều tra huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan T.H.A hình sự - Công an huyện Mỹ Tú;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thanh Nhanh**